

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ HỒNG HÀ

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

(Được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 23/NQ-ĐHCD ngày 10/6/2022)

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2022

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Phần mở đầu	05
2	Chương I - Những Qui định chung	05
-	Điều 1: Định Nghĩa	05
-	Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động	06
-	Điều 3: Mục tiêu của Công ty	07
-	Điều 4: Phạm vi hoạt động	08
-	Điều 5: Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị xã hội khác	08
2	Chương II - Vốn điều lệ, cổ phần và cổ đông sáng lập	08
-	Điều 6: Vốn, điều lệ, cổ phần	08
-	Điều 7: Cổ phiếu	09
-	Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần	11
-	Điều 9: Thu hồi cổ phần	12
-	Điều 10: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	13
3	Chương III – Cơ cấu tổ chức	13
-	Điều 11: Cơ cấu tổ chức quản lý	13
4	Chương IV - Cổ đông và đại hội cổ đông	14
-	Điều 12: Quyền hạn của cổ đông	14
-	Điều 13: Nghĩa vụ của cổ đông	16
-	Điều 14: Đại hội đồng cổ đông	17
-	Điều 15: Quyền và nhiệm vụ của đại hội đồng cổ đông	18
-	Điều 16: Các đại diện được uỷ quyền	20
-	Điều 17: Thay đổi các quyền	21
-	Điều 18: Triệu tập họp Đại hội cổ đông, chương trình họp và thông báo	21
-	Điều 19: Các điều kiện tiến hành Đại hội cổ đông, lập biên bản họp đại hội cổ đông	22

-	<i>Điều 20: Phê chuẩn các nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản.</i>	24
5	Chương V - Hội đồng quản trị	25
-	<i>Điều 21: Số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT</i>	25
-	<i>Điều 22: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</i>	27
-	<i>Điều 23: Chủ tịch Hội đồng quản trị</i>	29
-	<i>Điều 24: Các cuộc họp Hội đồng quản trị</i>	30
6	Chương VI - Tổng Giám đốc và Bộ máy quản lý	33
-	<i>Điều 25: Tổ chức Bộ máy quản lý</i>	33
-	<i>Điều 26: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng Giám đốc</i>	33
-	<i>Điều 27: Thư ký Công ty</i>	36
7	Chương VII – Trách nhiệm, mối quan hệ giữa HĐQT và Tổng Giám đốc	36
-	<i>Điều 28: Trách nhiệm căn trọng của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc</i>	36
-	<i>Điều 29: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</i>	36
-	<i>Điều 30: Trách nhiệm và bồi thường</i>	37
-	<i>Điều 31: Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc</i>	38
-	<i>Điều 32: Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và bộ máy giúp việc</i>	38
8	Chương VIII – Ban kiểm soát	39
-	<i>Điều 33: Bổ nhiệm Ban kiểm soát</i>	39
9	Chương IX - Quyền tiếp cận hồ sơ	41
-	<i>Điều 34: Quyền tiếp cận sổ sách và hồ sơ</i>	41
10	Chương X – Công nhân viên – Công đoàn	42
-	<i>Điều 35: Công nhân viên, Công đoàn</i>	42
11	Chương XI – Phân chia lợi nhuận	42
-	<i>Điều 36: Cổ tức</i>	42
-	<i>Điều 37: Tài khoản ngân hàng</i>	43
-	<i>Điều 38: Quỹ dự trữ</i>	43

-	<i>Điều 39: Năm tài khoá</i>	44
-	<i>Điều 40: Hệ thống kế toán</i>	44
-	<i>Điều 41: Kiểm toán</i>	44
12	Chương XII – Báo cáo thường niên, trách nhiệm công bố thông tin	44
-	<i>Điều 42: Báo cáo hàng năm, sáu tháng, hàng quý</i>	44
-	<i>Điều 43: Công bố thông tin</i>	45
13	Chương XIII – Con dấu	45
-	<i>Điều 44: Con dấu</i>	45
14	Chương XIV - Chấm dứt hoạt động và thanh lý	45
-	<i>Điều 45: Chấm dứt hoạt động</i>	45
-	<i>Điều 46: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và cổ đông</i>	46
-	<i>Điều 47: Gia hạn hoạt động</i>	46
-	<i>Điều 48: Thanh lý</i>	46
15	Chương XV - Giải quyết tranh chấp nội bộ, sửa đổi điều lệ	47
-	<i>Điều 49: Giải quyết tranh chấp nội bộ</i>	47
-	<i>Điều 50: Bổ sung và sửa đổi điều lệ</i>	47
16	Chương XVI - Điều khoản thi hành	48
-	<i>Điều 51: Hiệu lực thi hành</i>	48

MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển đô thị Hồng Hà là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển đô thị Hồng Hà (dưới đây gọi là "**Công ty**"), là Công ty cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp; Quyết định số 8515/QĐ-UBND ngày 29/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Công ty xây dựng Hồng Hà - Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội thành Công ty cổ phần; Quyết định số 5789/QĐ-UBND ngày 27/12/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty xây dựng Hồng Hà thành Công ty cổ phần xây dựng Hồng Hà; Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 28/5/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Điều I Quyết định số 5789/QĐ-UBND ngày 27/12/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đổi tên Công ty cổ phần xây dựng Hồng Hà thành Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Đô thị Hồng Hà; và các quy định của pháp luật có liên quan khác.

Điều lệ, các qui định của Công ty, các Nghị quyết của Cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với pháp luật liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Đô thị Hồng Hà được sửa đổi, bổ sung và được thông qua bởi các Cổ đông của Công ty theo Nghị quyết số 23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/6/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức vào ngày 10/6/2022.

CHƯƠNG I NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa

1. Trừ khi các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây :
 - a. "**Hội đồng**" có nghĩa là Hội đồng quản trị Công ty.
 - b. "**Địa bàn kinh doanh**" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - c. "**Vốn điều lệ**" có nghĩa là vốn do tất cả Cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.
 - d. "**Luật Doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm.
 - e. "**Ngày thành lập**" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
 - g. "**Pháp luật**" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12/11/1996 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm .

- h. “**Người quản lý**” có nghĩa là Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ khác được Hội đồng quản trị chỉ định làm Người quản lý của Công ty.
- i. “**Những người liên quan**” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
- j. “**Cổ đông**” có nghĩa là mọi cá nhân hay pháp nhân được ghi tên trong sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu Cổ phiếu.
- k. “**Thời hạn**” có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty như được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn được thông qua bằng một Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được Hội đồng quản trị chấp thuận.
- m. “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- n. “**Cổ đông sáng lập**” là cổ đông nắm giữ ít nhất 5% vốn điều lệ trở lên và tham gia đại hội cổ đông lần thứ nhất. (có danh sách kèm theo)
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng .
3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng đến ý nghĩa của Điều lệ này .
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không có mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động :

1. Tên Công ty:

Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ HỒNG HÀ**

Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh: **HONGHA CONSTRUCTION INVESTMENT AND URBAN DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **HONGHA INDECO; JSC**

2. Công ty là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

Địa chỉ: Tầng 1 và 2 Nhà N03 Khu đô thị mới Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, HN

Điện thoại : (844) 62811665

Fax: (844) 62811665

E-mail: honghaindeco2008@gmail.com

Web site: <http://www.honghacc.com.vn>

Logo của Công ty:

4. Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với đề nghị của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 46 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 của Điều lệ này, thời hạn của Công ty sẽ là 50 năm kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
7. Công ty được thành lập theo hình thức chuyển từ Công ty Nhà nước thành Công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp, các văn bản có liên quan và điều lệ này.
8. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản Việt nam đồng và ngoại tệ tại các ngân hàng trong và ngoài nước theo các qui định của pháp luật.
9. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ bằng tài sản của mình; Công ty có trách nhiệm kế thừa mọi quyền và nghĩa vụ pháp lý của Công ty xây dựng Hồng Hà.

Điều 3. Mục tiêu của Công ty

1. Mục tiêu của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm theo chức năng và ngành nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và đạt được mục tiêu thu tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, nâng cao uy tín thương hiệu trên thị trường trong nước và thế giới.
2. Nếu bất kì mục tiêu nào trong số mục tiêu này cần sự chấp thuận của cơ quan quản lý thì công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
3. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:
 - a. Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, văn hoá, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, các khu đô thị và công nghiệp; xây dựng và lắp đặt đường dây, trạm biến áp đến 35KV;
 - b. Lập, tổ chức thực hiện, tư vấn cho chủ đầu tư trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng;
 - c. Kinh doanh bất động sản, văn phòng cho thuê, kinh doanh nhà;
 - d. Sản xuất và mua bán các loại vật liệu xây dựng;
 - e. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá;
 - f. Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị xây dựng; vật liệu xây dựng và các mặt hàng Công ty kinh doanh;

- g. Kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống, khách sạn, du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế, (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)
- h. Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định;
- i. Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- k. Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;
- l. Dịch vụ môi giới bất động sản;
- m. Dịch vụ định giá bất động sản;
- o. Ngành kinh doanh siêu thị.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.
3. Các cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ của Công ty trong phần vốn góp vào Công ty.

Điều 5. Tổ chức đảng và các tổ chức chính trị xã hội khác:

1. Tổ chức Đảng trong Công ty chịu sự lãnh đạo của Đảng bộ cấp trên, hoạt động tuân thủ Hiến pháp và điều lệ Đảng.
2. Các tổ chức chính trị xã hội khác hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của các tổ chức chính trị xã hội. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, Cổ phần:

1. Tất cả các Cổ phần do Công ty phát hành đều là Cổ phần phổ thông, kể cả các Cổ phần của Nhà nước.
2. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của Công ty là: 20.000.000.000 VNĐ (hai mươi tỷ đồng Việt Nam).

Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.000.000 (hai triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần (Mười nghìn đồng/01 cổ phần).

3. Công ty có thể tăng Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Công ty có thể phát hành các loại Cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông khi được phát hành thêm sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn 21 ngày), để cổ đông đặt mua (thủ tục theo qui định của Luật doanh nghiệp và qui định tại điều lệ này). Mọi cổ phần không được cổ đông đặt mua hết chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối (hoặc tặng các quyền chọn mua) các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ phi các cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
6. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Luật Doanh nghiệp và các luật liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội đồng cổ đông đã cho phép theo quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ lại làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán.
7. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm, và khi có phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông, có thể phát hành Trái phiếu có thể chuyển đổi thành Cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua Cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán. Công ty không được phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có qui định khác:
 - a. Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 3 năm liên tiếp trước đó;
 - b. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của 3 năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành;
 - c. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các qui định tại điểm a và điểm b khoản này.
8. Vốn điều lệ của Công ty được sử dụng:
 - Cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - Không dùng vốn điều lệ cho các mục đích khác;

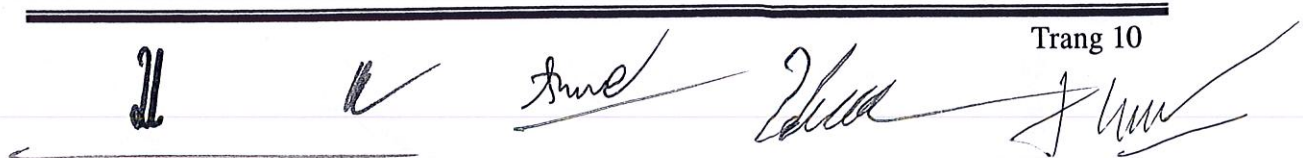
Điều 7. Cổ phiếu

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau. Chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần

được gọi là Cổ phiếu, số tiền ghi trên cổ phiếu là mệnh giá cổ phiếu. Mọi Cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định, trừ trường hợp quy định tại Điều 7.8 Điều lệ này.

Cổ phiếu của Công ty phát hành gồm cổ phiếu ghi danh (ghi tên) và cổ phiếu không ghi danh;

- a. Cổ phiếu ghi danh gồm:
 - Cổ phiếu của cổ đông là Nhà nước;
 - Cổ phiếu của các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - Cổ phiếu của cổ đông sở hữu có nguyện vọng ghi danh.
- b. Cổ phiếu không ghi danh gồm:
 - Cổ phiếu phát hành cho các cổ đông không phải là các đối tượng được quy định tại điểm a nêu trên;
2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu của Công ty phải được đóng dấu Công ty và phải có chữ ký của Đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định. Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại Cổ phần. Chứng chỉ cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - Tên, trụ sở chính của Công ty;
 - Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá các cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - Tên cổ đông đối với cổ phiếu có ghi danh;
 - Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - Dấu của Công ty và chữ ký của Đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - Số đăng ký tại Sở đăng ký Cổ đông của Công ty.
3. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ (trong trường hợp phát hành) trong vòng hai tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc (trong trường hợp chuyển nhượng) chuyển nhượng.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị Hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Nếu một chứng chỉ Cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu Hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng



sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ Cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Tất cả các mẫu chứng chỉ Cổ phiếu hoặc Trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến các chứng chỉ có quy định khác, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Đại diện theo pháp luật của Công ty.
8. Căn cứ các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán, Công ty có thể phát hành Cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các Cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không) được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các Cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và luật pháp có quy định khác. Tất cả Cổ phiếu niêm yết trên Trung tâm Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán;
2. Trong vòng ba (03) năm kể từ ngày được thành lập, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần được quyền chào bán. Trong thời hạn 3 năm này, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty. Cổ phiếu ghi danh của cổ đông sáng lập chỉ được chuyển nhượng khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời hạn ba năm nêu trên, các hạn chế về chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập được bãi bỏ;
3. Các cổ đông sáng lập không được rút khỏi tư cách thành viên Công ty trong vòng hai (02) năm tài chính của Công ty. Việc chấm dứt tư cách thành viên phải được đề nghị bằng văn bản và gửi bằng đường bưu điện chính thức cho Hội đồng quản trị. Trong trường hợp này, các cổ đông sáng lập còn lại sẽ có quyền ưu tiên mua trước số cổ phần của cổ đông sáng lập trên theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần sở hữu;
4. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), tất cả các chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh đều có thể thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản. Cổ phiếu đã niêm yết phải được chuyển nhượng thông qua Trung tâm Giao dịch Chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Ủy ban

chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán. Văn bản chuyển nhượng phải được ký bởi bên chuyển nhượng hoặc người thay mặt bên chuyển nhượng và bên chuyển nhượng hoặc bởi người thay mặt bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký Cổ đông, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác (bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội đồng cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp).

5. Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ Cổ phiếu ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ.
6. Trong trường hợp một Cổ đông bị chết hoặc mất tích, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với Cổ phần, nhưng quy định này không được giải toả tài sản của Cổ đông đã chết hoặc mất tích khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Nếu một Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị có thể gửi thông báo cho Cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.
2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, Cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.
3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi Cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả Cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo qui định dưới đây và các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Một số Cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm Cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Nếu cần, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một số người chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.
5. Một Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan đến Cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá 1,5 lần lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố từng thời điểm theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị

cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước khi bị thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 10 : Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông; theo quyết định của Công ty

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu mua lại phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày đại hội cổ đông thông qua quyết định về những vấn đề nêu tại điều này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty phải quyết định việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông theo giá thị trường trên nguyên tắc thỏa thuận ; trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác.
2. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một hoặc một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán.
3. Các qui định về mua lại cổ phần của cổ đông và mua lại cổ phần đã bán được thực hiện theo các qui định trong Luật doanh nghiệp và qui định tại Điều lệ này.

CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. **Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:**
 - a. Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Hội đồng quản trị;
 - c. Tổng giám đốc Công ty và bộ máy giúp việc;
 - d. Ban kiểm soát.
2. **Tổ chức hoạt động:**
 - a. Công ty Cổ phần hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tuân thủ theo pháp luật.
 - b. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng Cổ đông. Đại hội đồng Cổ đông là người quyết định thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
 - c. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị lãnh đạo Công ty giữa hai kỳ đại hội, bầu Ban kiểm soát để giám sát hoạt động kinh doanh và điều hành của Công ty.
 - d. Điều hành hoạt động của Công ty là Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng giám đốc hoạt động theo khuôn khổ Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật.

CHƯƠNG IV

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền hạn của Cổ đông Công ty

1. Cổ đông của Công ty là những tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực pháp luật, sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty và được đăng ký danh sách trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty (sổ đăng ký cổ đông được lập theo qui định tại Luật doanh nghiệp) . Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà họ nắm giữ;
2. Cổ đông là pháp nhân. Người đại diện phần vốn của một pháp nhân tại Công ty là người đại diện trước pháp luật của pháp nhân đó. Người đại diện phần vốn có thể ủy quyền cho một người khác làm đại diện cho pháp nhân đó tại Công ty. Trường hợp cổ đông là pháp nhân có sự thay đổi về tổ chức như sáp nhập, chia tách, hợp nhất thì pháp nhân được kế thừa quyền và nghĩa vụ của pháp nhân đã được tổ chức lại sẽ được coi là cổ đông của Công ty. Trong trường hợp này, Cổ đông là pháp nhân mới phải gửi đến Công ty các văn bản pháp lý về việc tổ chức lại.
3. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Công ty có các quyền sau :
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Đại diện được ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - b. Nhận cổ tức tương ứng với số cổ phần sở hữu với mức theo quyết định của đại hội đồng cổ đông;
 - c. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu trong Công ty ;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp ;
 - e. Được quyền ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nếu đạt đủ tiêu chuẩn ứng cử theo quy định; Được kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ đông trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
 - f. Trong trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, nhưng chỉ sau khi Công ty thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi .
 - g. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Khoản 1 Điều 132 của Luật Doanh nghiệp.

- h. Có thể ủy quyền cho người khác (bằng Giấy ủy quyền) đại diện thay mình tham gia các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông với những điều kiện theo quy định tại Điều 16 - Điều lệ này.
- i. Được thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty, được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh (hàng quý và hàng năm) có liên quan đến quyền lợi của cổ đông (trừ những bí mật về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm các bí mật công nghệ sản xuất, chiến lược marketing, lựa chọn đối tác khách hàng, phương pháp tác nghiệp kinh doanh...).
- j. Được xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- k. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Sổ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- n. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
4. Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên, có các quyền sau:
- a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
- b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
5. Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên, có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông bất thường khi xảy ra một trong các hiện tượng sau đây:
- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - Có những dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính;
 - Có dấu hiệu Công ty thua lỗ 50% vốn điều lệ của Công ty;
 - Phát hiện lãnh đạo Công ty có dấu hiệu vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ và/hoặc có ý gây thiệt hại cho Công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường;

Điều 13. Nghĩa vụ của các Cổ đông

Các Cổ đông có các nghĩa vụ sau :

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế, các quyết định của Hội đồng quản trị và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc;
2. Thanh toán tiền mua Cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và theo đúng thủ tục quy định;
3. Chịu trách nhiệm về số lỗ, nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
4. Bảo vệ lợi ích, tài sản và giữ bí mật nghề nghiệp về các hoạt động của Công ty, tham gia các công việc chung của Công ty khi được phân công.
5. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo các quy định Điều lệ này và của pháp luật.
7. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
8. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích

hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các Cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm họp một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được Luật doanh nghiệp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các Cổ đông sẽ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
3. Khi phát sinh những vấn đề bất thường, ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc 2/3 số thành viên HĐQT khi HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; Việc triệu tập là cần thiết nếu các Kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;
 - b. Theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát hoặc 2/3 số Kiểm soát viên khi Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - c. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo Kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn điều lệ bị mất một nửa;
 - d. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp qui định hoặc ít hơn một nửa số thành viên qui định trong Điều lệ;

- e. Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông nắm giữ 5% cổ phần phổ thông trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan).
4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường.
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như qui định tại Điều 14.3 điểm d hoặc nhận được yêu cầu qui định tại điều 14.3 điểm b, e nêu trên. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như qui định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn nêu trên thì trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn triệu tập nêu tại Điều 14.4.a trên đây, Ban kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như qui định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn nêu tại Điều 14.4.b trên đây, thì trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn triệu tập của Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc một nhóm các cổ đông có yêu cầu tại khoản 14.3.e của Điều này có thể triệu tập cuộc họp các cổ đông.
- d. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau :
- a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; thông qua đề nghị của HĐQT về quyết toán năm tài chính, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận, mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần và trích lập, sử dụng các quỹ;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu (nếu có);
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
 - j. Quyết định mức thù lao và quyền lợi khác (nếu có) của HĐQT, Ban kiểm soát và dự toán cho hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát.
 - k. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- 1. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 - 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:
 - a. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại Cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại Cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn Công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung sửa đổi Điều lệ;
 - h. Loại cổ phần và số lượng Cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại Cổ phần, và việc chuyển nhượng Cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Giao dịch bán tài sản Công ty hoặc bất kỳ Chi nhánh nào hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các Chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất;
 - m. Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% Cổ phần hoặc Cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành;
 - n. Công ty hoặc Chi nhánh nào của Công ty ký kết hợp đồng với những người được qui định tại Điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị tương ứng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị của Công ty và các Chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán và các vấn đề khác theo qui định của Điều lệ này và các qui chế khác của Công ty.
 - 3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:
 - a. Các hợp đồng qui định tại Điều 15.2 nếu Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc

- b. Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến Cổ đông đó.
4. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các Nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 16. Các đại diện được ủy quyền

1. Các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông.
2. Việc ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu thống nhất của Công ty và gửi đến Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc đại hội;
 - Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - Trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp;
 - Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần cho mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác;
 - Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu Công ty) gửi đến HĐQT chậm nhất 24 giờ trước giờ khai mạc đại hội.
3. Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền được một luật sư ký thay mặt cho người ủy quyền thì thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư ủy quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) nộp cùng với đơn chỉ định đại diện được ủy quyền. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.
4. Lá phiếu của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã:
 - a. Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình;
 - b. Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền hoặc
 - c. Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Tuy nhiên điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 tiếng trước cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

Với sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông như được quy định tại Điều 15.2 khi vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại Cổ phần khác nhau thì theo Luật Doanh nghiệp, các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại có thể được thay đổi hoặc Hủy bỏ với sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của các Cổ phần đã phát hành của loại đó hoặc với Nghị quyết được thông qua bởi những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của tất cả các Cổ đông có mặt tại một cuộc họp của riêng những người nắm giữ loại cổ phần đó.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại Điều 14.4.b hoặc 14.4.c.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị một danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ.
 - b. Xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Thông báo cho tất cả các Cổ đông về Đại hội và gửi thông báo về Đại hội cho họ.
3. Thông báo Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và thông tin hợp lý về các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Nếu Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể sẽ được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trong trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Công ty thì thông báo có thể được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi họ làm việc. Thông báo phải được gửi chậm nhất là 21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Nếu Công ty có Website, thông báo về họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Điều 12.5 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều 18.4 trên đây nếu:
 - a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;

- b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trở lên;
 - c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết; và
 - d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các Nghị quyết.
6. Đối với những vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một Nghị quyết.
7. Nếu tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết hiện diện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông thì những Nghị quyết được Đại hội nhất trí thông qua đều là hợp lệ ngay cả khi Đại hội đồng cổ đông không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung họp không được đưa vào chương trình một cách hợp lý.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, hoặc nếu Chủ tịch vắng mặt thì bất kỳ người nào khác do Đại hội bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì Đại hội, thành viên Hội đồng quản trị có mặt với chức vụ cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch hoặc Chủ tọa được bầu của Đại hội đề cử một thư ký để lập biên bản Đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
2. Trừ trường hợp quy định tại điều 19.3 dưới đây, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty phải được thông qua bởi từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Người Chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm lưu các biên bản và gửi cho tất cả các Cổ đông ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi. Biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt, được Chủ tọa Đại hội và thư ký ký xác nhận và được lập theo qui định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại Văn phòng Công ty.
5. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng Đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp đại hội phải triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Trong Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại lần hai cần có số thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, một Đại hội cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần thứ hai và trong Đại hội lần này bất kỳ số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.

6. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký Cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.
7. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ một Nghị quyết trước, thu số thẻ phản đối, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.
8. Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc được quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dùng Đại hội đó để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
9. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
10. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn một Đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội;
 - b. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp hoặc;
 - c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn đại hội. Đại hội họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.
11. Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký của Đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

12. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc Đại diện được ủy quyền muốn tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng, Hội đồng quản trị có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất một Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền nào đó không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi đại hội.
13. Hội đồng quản trị có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp sau khi đã xem xét kỹ lưỡng để:
- Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự Đại hội (hoặc tiếp tục tham dự).
- Hội đồng quản trị có thể thay đổi những biện pháp này vào bất kỳ lúc nào. Các biện pháp có thể bao gồm và không hạn chế việc cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng hình thức lựa chọn khác.
14. Trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp này khi xác định địa điểm Đại hội, Hội đồng quản trị có thể :
- Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó (“địa điểm Đại hội chính”);
 - Bố trí tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm Đại hội chính có thể đồng thời tham dự Đại hội.
- Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần phải đưa ra chi tiết về những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
15. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm Đại hội chính.
16. Yêu cầu Hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty, Thành viên Ban kiểm soát, có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và Hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
- Trình tự và thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật;
 - Nội dung của quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc quy định tại Điều lệ này.
17. Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty; biên bản họp Đại hội cổ đông phải có nội dung và thể thức được quy định tại điều 150 Luật doanh nghiệp.

Điều 20. Phê chuẩn các Nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản

- Trường hợp xét thấy việc triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để quyết định một vấn đề là không cần thiết, Hội đồng quản trị có thể lấy quyết định từ các Cổ đông



thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp này, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông chỉ được thông qua khi được các Cổ đông đại diện cho ít nhất 75% số cổ phần có quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại Điều 20.2 dưới đây.

2. Hội đồng quản trị phải thực hiện các công việc sau đây để các Nghị quyết của Cổ đông được thông qua bằng hình thức gửi văn bản:
 - a. Quyết định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung bỏ phiếu kín theo Điều lệ này và Pháp luật.
 - b. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp. Cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
 - c. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu theo quy định tại Điều 149.5 Luật Doanh nghiệp dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty và biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
3. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG V

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Số thành viên của Hội đồng quản trị là 05 người. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ năm (05) năm và có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo với nhiệm kỳ không hạn chế.

Trong trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi miễn thì nhiệm kỳ của thành viên được bầu mới là thời hạn còn lại của Hội đồng quản trị đương nhiệm.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155- Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 4. Mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ không ít hơn 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 30% thì họ được quyền đề cử một (01) thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nếu chiếm từ 30% đến 50% thì họ được đề cử hai (02) thành viên; nếu từ 50% đến 70% thì họ được đề cử ba (03) thành viên; và nếu lớn hơn 70% thì họ được đề cử bốn (04) thành viên. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác mà Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
 5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo qui định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến Trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo đó. Ngay khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Thành viên Hội đồng quản trị được chỉ định để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng vẫn phải trải qua cuộc bỏ phiếu tín nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo.
 7. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số qui định tại điều lệ này; Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội cổ đông để bầu bổ sung trong thời hạn 60 ngày.

Điều 22. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý, chỉ đạo mọi hoạt động kinh doanh, các hoạt động khác của Công ty; có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
Thành viên Hội đồng quản trị không được chuyển nhượng cổ phần của Công ty do họ sở hữu trong suốt thời gian đương nhiệm trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và những người quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động vốn theo hình thức khác;
 - c. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - e. Thực hiện các khiếu nại của Công ty về Người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý chống lại Người quản lý đó;
 - f. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - g. Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;
 - h. Quyết định giá chào bán Trái phiếu, Cổ phần và các chứng khoán chuyển đổi;
 - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay bất kỳ Người quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty nếu Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm, nếu có; Quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp tại các công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức; xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - k. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
1. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

- m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:**
- a. Việc thành lập Chi nhánh hoặc các Văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Việc thành lập các Công ty con của Công ty;
 - c. Ngoại trừ các trường hợp phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và Hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua bán, sáp nhập, thuê mướm Công ty và liên doanh);
 - d. Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty Ủy nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và Luật sư của Công ty (nếu có);
 - e. Việc vay nợ và thực hiện mọi khoản thế chấp bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Việc mua hoặc bán Cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay ở nước ngoài;
 - g. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành Cổ phiếu hoặc Trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - h. Việc Công ty mua và thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại;
 - i. Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi Cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng đối với Tổng giám đốc và những Người quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng thông qua.
6. Các thành viên Hội đồng quản trị (không kể các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận hoặc nếu không thỏa thuận được thì chia đều.
7. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chú chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.
8. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất điều hành hay không), hoặc thành viên làm việc tại các Tiểu ban của Hội đồng, hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội



đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

9. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch hội đồng quản trị có thể kiêm chức Tổng giám đốc Công ty và do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ như sau:
 - a. Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, xây dựng nguyên tắc, quy chế làm việc của Hội đồng quản trị;
 - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu, phương thức họp cho phiên họp Hội đồng quản trị; Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - d. Tổ chức việc thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị; theo dõi việc thực hiện các nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua; thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty;
 - e. Lập chương trình công tác và phân công thành viên Hội đồng quản trị thực hiện công tác quản lý Công ty;
 - f. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - g. Thực hiện ủy quyền và chịu trách nhiệm về ủy quyền của mình;
 - h. Thực hiện đúng điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chịu trách nhiệm cá nhân trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về những hành vi của mình;
 - i. Gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác điều hành công việc
4. Chủ tịch muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn Hội đồng quản trị phải ra quyết định về vấn đề này. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất kỳ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

ĐÃ
PI
H/A

Điều 24. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị có nội dung chính là bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu hội đồng quản trị đó; cuộc họp sẽ do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập.
2. Cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng định kỳ 3 tháng họp một lần. Trong trường hợp đặc biệt, khoảng thời gian giữa 2 kỳ họp cũng không được quá 4 tháng.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:
 - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Hai thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
 - c. Có đề nghị của Ban kiểm soát.
4. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong 15 ngày sau khi nhận được đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị

Theo yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình của Công ty.
5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
6. Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng 05 ngày trước khi tổ chức, với điều kiện là các thành viên Hội đồng có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp hội đồng sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải xác định cụ thể về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp hội đồng và cả các phiếu bầu cho các thành viên hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành khi có ít nhất 4/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Thành viên tham dự cuộc họp

là các thành viên Hội đồng quản trị chính thức hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

8. Biểu quyết.

- a. Trừ quy định tại điểm b Khoản 8 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- b. Thành viên Hội đồng sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
- c. Theo quy định tại điểm d Khoản 8 Điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên hội đồng hoặc liên quan đến biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên hội đồng đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất và phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
- d. Bất kỳ thành viên Hội đồng nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 167 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
9. Tuyên bố lợi ích: Một thành viên Hội đồng mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
10. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các Nghị quyết và ra Quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.
11. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Nghị quyết bằng văn bản.

Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng sau đây:

- a. Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng;
- b. Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng.

Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

13. Biên bản cuộc họp: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các quyết định đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

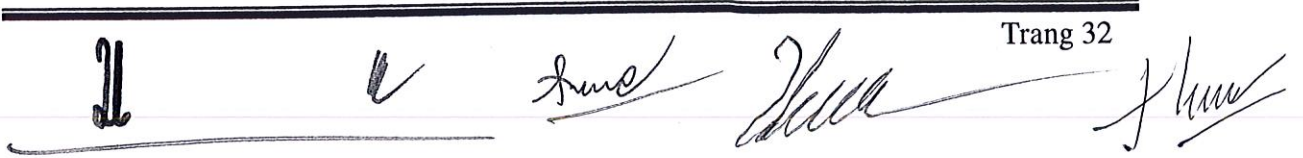
Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi.

15. Những người được mời họp dự thính: Tổng giám đốc, những Người quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng.

16. Trong quá trình hoạt động, tùy thuộc yêu cầu công việc; Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban giúp việc; chức năng nhiệm vụ của các tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định.



CHƯƠNG VI

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 25. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ Ban hành một hệ thống quản lý, theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị.

Công ty có một Tổng giám đốc, một số Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ có một số lượng nhất định những Người quản lý (bộ máy giúp việc) cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Tổng giám đốc đề xuất tùy từng thời điểm.

Điều 26 Bổ nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm Tổng giám đốc: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác được thuê làm Tổng giám đốc; Hội đồng quản trị quy định mức lương, thù lao, và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc: Tổng giám đốc Công ty phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, năng lực quản trị kinh doanh và tổ chức quản lý Công ty;
 - b. Không thuộc các đối tượng cấm theo quy định của pháp luật;
 - c. Là cá nhân sở hữu ít nhất 5% vốn điều lệ của công ty hoặc là người có trình độ chuyên môn tối thiểu phải là kỹ sư chuyên ngành hoặc cử nhân kinh tế có từ 10 năm kinh nghiệm trở lên, đã tham gia hoặc trực tiếp tổ chức, quản lý điều hành tại Công ty hoặc tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Công ty quy định tại Điều 3 của Điều lệ này tại các Công ty khác có quy mô như Công ty;
 - d. Hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;
 - e. Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của Doanh nghiệp khác;
 - f. Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; tôn trọng kỷ luật trong nhiệm vụ được giao, có khả năng đoàn kết nội bộ và làm việc tập thể.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
4. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Tổng giám đốc:

- a. Xây dựng đề án cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động của Công ty trình Hội đồng quản trị quyết định để tổ chức thực hiện. Quản lý và điều hành và chịu mọi trách nhiệm về các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại Hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Quản lý và sử dụng vốn theo mục tiêu, phương án kinh doanh đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và Hội đồng quản trị phê duyệt; đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;
- d. Kiến nghị về số lượng và các Người quản lý cần thiết để quản lý và điều hành Công ty để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn cho Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người quản lý. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- e. Xây dựng kế hoạch kinh doanh dài hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm.
- f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo Kế hoạch Kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
- i. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Đề cử các cán bộ có năng lực chuyên môn và đạo đức vào các vị trí chủ chốt, các phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Trưởng các phòng nghiệp vụ, Giám đốc các đơn vị trực thuộc hoạt động theo mô hình hạch toán phụ thuộc để Hội đồng quản trị xem xét quyết định;

- j. Tuyển dụng, thuê mướn, trực tiếp ký Hợp đồng lao động và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - k. Lựa chọn các hình thức trả lương, tiền thưởng thích hợp theo năng suất lao động, các biện pháp khuyến khích vật chất và động viên tinh thần, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm của Công ty;
 - l. Đại diện Công ty trước pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp pháp lý có liên quan đến Công ty;
 - m. Duy trì, nâng cao chính sách và mục tiêu chất lượng của Công ty, giáo dục mọi thành viên Công ty thực hiện chính sách bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 của Công ty và cam kết của Công ty với khách hàng. Chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước HĐQT về sản phẩm của Công ty bàn giao cho khách hàng
 - n. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và pháp luật;
 - o. Được quyền ra các quyết định vượt quá thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp hoặc bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn và các trường hợp bất khả kháng khác. Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm về những quyết định này của mình đồng thời báo cáo ngay Hội đồng quản trị về những quyết định vượt quá thẩm quyền của mình;
 - p. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và của Luật Doanh nghiệp.
5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về những công việc mà mình đã thực hiện với tư cách là Tổng giám đốc Công ty. Tổng giám đốc có nghĩa vụ báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và về các công việc đã thực hiện khi những cơ quan này khi được yêu cầu.
6. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau: Để công ty lỗ liên tiếp hai năm liền hoặc không đạt chỉ tiêu lợi nhuận, chỉ tiêu cổ tức trong ba năm liền (trừ trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hoặc có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; hoặc do đầu tư mới mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị). Công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn phá sản theo qui định của pháp luật về phá sản. Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Hội đồng quản trị giao; các trường hợp khác theo qui định của Luật doanh nghiệp.

Điều 27. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm một Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm Đồng Thư ký Công ty. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp thông tin cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VII

TRÁCH NHIỆM, QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

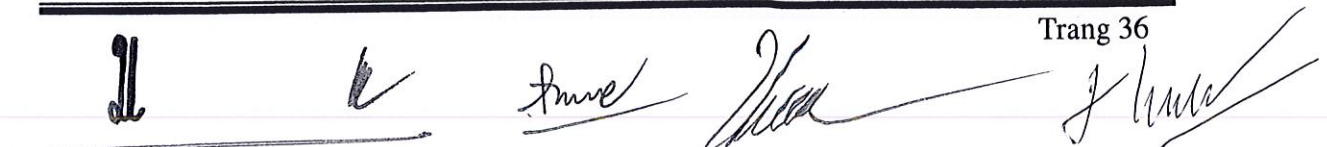
Điều 28. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng này chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay những người liên quan của



họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Theo Điều 167 của Luật Doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty và một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc bất kỳ Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức nào khác mà ở đó một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá chỉ vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc chỉ vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc Người quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc chỉ vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ ba lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty trở xuống, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 30. Trách nhiệm và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng

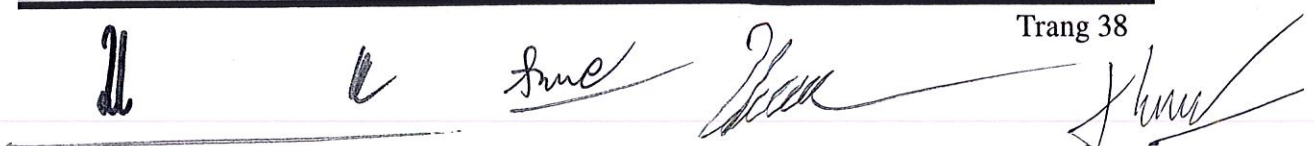
do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty hay Công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc người được ủy quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác theo sự yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty). Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê Luật sư), chi phí phán quyết các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 31: Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong quản lý điều hành Công ty

1. Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị nếu phát hiện thấy vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định của mình. Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm xem xét và trả lời đề nghị của Tổng giám đốc.
2. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc quý, năm; Tổng giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và phương hướng thực hiện cho Hội đồng quản trị.

Điều 32: Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng, bộ máy giúp việc

1. Công ty có các Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và bộ máy giúp việc. Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc.
2. Các phó tổng giám đốc giúp Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, uỷ quyền của Tổng giám đốc.
3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán của Công ty theo qui định hiện hành của nhà nước, giúp Tổng giám đốc giám sát các hoạt động tài chính Công ty.
4. Thời hạn bổ nhiệm của Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng là 5 năm, số lần bổ nhiệm lại không hạn chế.
5. Công ty có hệ thống các phòng ban nghiệp vụ giúp việc Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc; số lượng và biên chế các phòng ban do Tổng giám đốc đề nghị, Hội đồng quản trị phê duyệt căn cứ vào yêu cầu sản xuất kinh doanh.



CHƯƠNG VIII BAN KIỂM SOÁT

Điều 33. *Bổ nhiệm Ban kiểm soát*

1. Ban kiểm soát bao gồm những người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.

Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

3. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170, 173 - Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, gồm những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

- d. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông.
 - e. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản d, điểm 4 Điều này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

- f. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
 - g. Thông báo định kỳ kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị;

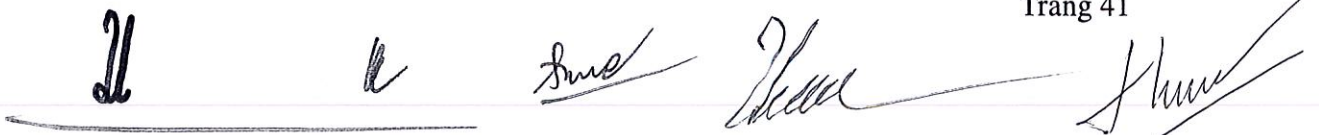
- h. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân và tập thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật. Trường hợp phát hiện thấy có sai phạm mà không báo cáo sẽ phải liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật;
4. Mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần phổ thông có thể tập hợp các phiếu bầu vào với nhau để cử các ứng viên vào Ban kiểm soát.
- Những cổ đông nắm giữ ít hơn 5% cổ phần có quyền biểu quyết có thể tập hợp các phiếu bầu vào với nhau để cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ 5% đến dưới 30% thì họ được phép đề cử 01 người; nếu từ 30% đến dưới 50% họ được đề cử 02 người; từ 50% đến dưới 70% được đề cử 03 người và trên 70% được đề cử 04 người.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. Ban kiểm soát có trách nhiệm giữ bí mật những thông tin được cung cấp, không được tiết lộ bí mật Công ty, không gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường cũng như gây gián đoạn trong điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi cán bộ quản lý và nhân viên Công ty làm việc.
6. Ban kiểm soát không được có ít hơn ba (03) thành viên và không nhiều hơn năm (05) thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định; trong đó có một thành viên có chuyên môn về kế toán và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập bên ngoài hoặc nhân viên của chính Công ty. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên là cổ đông của Công ty làm Trưởng ban. Trưởng Ban kiểm soát không được kiêm nhiệm bất cứ chức danh nào thuộc quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị.
7. Quyền hạn, trách nhiệm của Trưởng Ban Kiểm Soát
- a. Tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;
- c. Yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường;
- d. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- e. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.
8. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng mức thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty (tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động năm của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác). Mọi chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý Công ty.

9. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn 2 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 2 người.
10. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Các thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại. Trường hợp kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
11. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại điểm 2 (a), (b) Điều này;
 - b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục mà không được phép của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn xin từ chức được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - d. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi.
12. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban kiểm soát thì số kiểm soát viên còn lại cử người thay thế. Trường hợp khuyết kiểm soát viên có nghiệp vụ về tài chính, kế toán, Hội đồng quản trị phải phối hợp với các thành viên còn lại của Ban kiểm soát cử người tạm thời thay thế cho đến khi triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung.

CHƯƠNG IX QUYỀN TIẾP CẬN SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 34. Quyền tiếp cận sổ sách và hồ sơ

1. Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong điều 12.4 đều có quyền, trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra của người được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo văn bản ủy quyền của cổ đông cho người được ủy quyền đó.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy



định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Mọi Cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí.

CHƯƠNG X

CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN

Điều 35. Công nhân viên, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác.

Tổng giám đốc sẽ phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và pháp luật.

CHƯƠNG XI

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Điều 36. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về

ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.

6. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 37. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 38. Trích lập phân phối các quỹ :

- Trích quỹ dự trữ: Từ 5% đến 10% lợi nhuận sau thuế tối đa bằng 10% vốn điều lệ.
- Trích quỹ đầu tư phát triển: từ 5% đến 10% lợi nhuận sau thuế tối đa bằng 10% vốn điều lệ.
- Trích quỹ phúc lợi khen thưởng: tối đa bằng 10% lợi nhuận sau thuế
- Trích quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban giám đốc:
 - + Nếu tỷ lệ cổ tức của Công ty đạt theo mức Nghị quyết đại hội cổ đông đề ra: thưởng tối đa 2% lợi nhuận sau thuế.
 - + Nếu tỷ lệ cổ tức của Công ty vượt theo Nghị quyết Đại hội cổ đông đề ra được thưởng như sau:
 - Nếu vượt từ 1% - 5% được thưởng thêm 10% của số vượt.
 - Nếu vượt trên 5% - 10% được thưởng thêm 20% số vượt
 - Nếu vượt trên 10% - 15% được thưởng thêm 30% của số vượt.
 - Nếu vượt từ 20% được thưởng thêm 50% của số vượt.

Điều 39. Năm tài khoá

- 1 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy phép kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười hai ngay sau ngày cấp giấy phép kinh doanh đó.
- 2 Cuối mỗi niên khoá, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông bao gồm:
 - a. Bảng cân đối kế toán của Công ty;
 - b. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - d. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Điều 40. Hệ thống Kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống kế toán nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 41. Kiểm toán

Công ty thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo qui định của pháp luật. Hằng năm Hội đồng quản trị ký hợp đồng với Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán hoạt động tài chính của Công ty. Tổng giám đốc phải chỉ đạo các bộ phận chức năng chuẩn bị báo cáo và hợp tác với cơ quan kiểm toán độc lập sau khi hết năm tài chính. Trong thời hạn 02 tháng sau khi kết thúc năm tài chính báo cáo kiểm toán phải được hoàn thành. Báo cáo kiểm toán phải được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

CHƯƠNG XII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 42. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của pháp luật cũng và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 41 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan Đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một Bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và

khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào quan tâm sẽ được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 43. Công bố thông tin và Thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XIII

CON DẤU

Điều 44. Con dấu

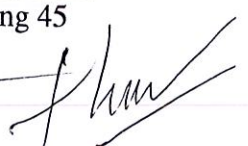
1. Hội đồng quản trị sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 45. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.



Điều 46. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

Điều 47. Gia hạn Hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc Thời hạn hoạt động để Cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm nếu số cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội cổ đông hoặc qua ủy quyền bỏ phiếu tán thành việc gia hạn.

Điều 48. Thanh lý

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc Thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban Thanh lý gồm (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XV

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng [15] ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng [6] tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 50. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XVI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 51. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XVI chương, 51 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ nhất trí thông qua ngày 8 tháng 11 năm 2006 tại Hà Nội và được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 23/NQ-ĐHCD ngày 10/6/2022.
2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và được lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.
5. Bản Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị


Nguyễn Quốc Tiến.


Trần Văn Tuấn


Nguyễn Văn Phương


Trần Văn Hạnh

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ HỒNG HÀ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Đô thị Hồng Hà;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội cổ đông thường niên Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Đô thị Hồng Hà tổ chức vào ngày 08/7/2023;
- Căn cứ Nghị quyết số: 33/NQ-ĐHCD ngày 08/7/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty về việc thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.

Điều 1: Nội dung được sửa đổi và bổ sung của Điều lệ như sau:

Điều 3 khoản 3: Lĩnh vực kinh doanh của Công ty, nay bổ sung thêm ngành:

+ Dịch vụ trông giữ phương tiện ô tô, xe máy, xe đạp.

Điều 2: Hiệu lực của Phụ lục sửa đổi Điều lệ.

Nội dung sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty nêu tại Điều 1 có hiệu lực từ ngày 08/7/2023 và được Đại hội cổ đông thông qua. Bản Phụ lục sửa đổi Điều lệ Công ty này được đính kèm vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trương Quỳnh Lâm

